**CHUYÊN ĐỀ**

**" HƯỚNG DẪN HỌC SINH KHAI THÁC KIẾN THỨC ĐỊA LÍ TỪ**

 **ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM"**

Giáo viên báo cáo: Nguyễn Thị Hoàn

Môn : Địa Lí

Thời gian : tháng 10 / 2019

**I.LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI**

Hoà nhập với xu thế phát triển của xã hội nói riêng và của toàn thế giới nói chung, nhằm phát triển toàn diện cho mỗi học sinh, giúp các em có điều kiện hoà nhập với cộng đồng quốc tế và khu vực, tiếp cận với những thông tin về KHKT, để các em có thể áp dụng những kiến thức đã học ở nhà trường một cách có hiệu quả. Theo tinh thần nghị quyết TW 8 khóa XI của Đảng về "đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo" đã viết: "*Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời*". Trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học, mục tiêu chính là hình thành và phát triển ở học sinh những kiến thức, kỹ năng và những phẩm chất, trí tuệ cần thiết để tiếp tục học hoặc đi vào cuộc sống lao động. Vì vậy, đổi mới phương pháp là một yêu cầu cần thiết. Một trong những phương pháp dạy học hiện nay là việc khai thác kiến thức từ phương tiện trực quan trong dạy học một cách có hiệu quả. Nghĩa là làm thế nào để sử dụng có hiệu quả, phát huy hết vai trò, ý nghĩa của phương tiện trực quan trong dạy học nói chung và đối với phân môn Địa lý nói riêng. Là giáo viên chuyên ngành Địa lí, để có thể giảng dạy tốt phân môn của mình thì việc sử dụng thành thạo, khai thác có hiệu quả kiến thức thông qua các phương tiện trực quan trong dạy học là một yêu cầu quan trọng. Một trong những phương tiện dạy học hiện nay được thầy và trò đón nhận và sử dụng rộng rãi trong chương trình Địa lí THCS chính là Atlat Địa lí Việt Nam.

Vậy làm thế nào để cung cấp kiến thức Địa lí cho các em mới nhất, cập nhật nhất, làm sao để xóa bỏ tư tưởng "môn phụ" trong học sinh, gây hứng thú cho các em yêu thích môn Địa lí, khơi gợi sự suy nghĩ, tính tư duy sáng tạo của học sinh giảm bớt áp lực học bài nhưng hiệu quả trong các đợt kiểm tra và đặc biệt trong kỳ thi tốt nghiệp vẫn đạt hiệu quả cáo. Đây không phải là những suy nghĩ của riêng tôi mà là của nhiều giáo viên Địa lí. Qua dự giờ đồng nghiệp, qua nghiên cứu, áp dụng cho từng bài, từng tiết học, tôi thấy việc sử dụng và khai thác triệt để cuốn Atlat Địa lí Việt Nam trong quá trình tìm kiếm trí thức mới của bộ môn Địa lí nói chung và phần Địa lí các ngành kinh tế nói riêng mang lại hiệu quả khá cao. Vì thế tôi mạnh dạn trình bày cách khai thác kiến thức Địa lí các ngành kinh tế từ Atlat qua giải pháp: *"Khai thác kiến thức Địa lí từ Atlat địa lí Việt Nam”*nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy Địa Lí THCS để các đồng nghiệp tham khảo và góp ý.

**II.PHẦN NỘI DUNG:**

**1. Hướng dẫn học sinh các kiên thức chung để sử dụng và khai thác Atlat.**

 Để giúp học sinh nhanh chóng sử dụng được Atlat vào việc học bài, trả lời các câu hỏi và làm các bài tập địa lí, giáo viên cần hướng dẫn học sinh nắm vững những yêu cầu sau:

- Tìm hiểu, nắm chắc các kí hiệu chung (ở trang bìa) gồm các kí hiệu về tự nhiên, kinh tế công nghiệp, nông nghiệp (nông, lâm, thuỷ sản)….. để khi sử dụng đỡ mất thời gian tra cứu.

- Nắm vững các kí hiệu ở các bản đồ chuyên ngành thông qua (nền chất lượng) mầu sắc thể hiện của kí hiệu (Ví dụ: các miền khí hậu, các vùng khí hậu …… trong bản đồ khí hậu; các nhóm và các loại đất chính trong bản đồ đất đai …. )

- Biết cách khai thác các biểu đồ từng ngành (cho các bài học liên quan) như: các loại biểu đồ hình tròn, hình cột, biểu đồ đường …. để nhận xét về tình hình phát triển, tổng sản lượng của các ngành, xu hướng phát triển của ngành …. Biết cách tính toán diện tích, năng suất, sản lượng một số ngành sản xuất qua biểu đồ.

- Biết sử dụng Atlat cho các loại câu hỏi khác nhau:

+ Loại câu hỏi yêu cầu trình bày về phân bố sản xuất, hoặc cho biết ngành đó phân bố ở đâu, vì sao ở đó ?…. đều có thể dùng các **bản đồ** trong Atlat để trả lời.

+ Loại câu hỏi yêu cầu trình bày về tình hình phát triển sản xuất, quá trình phát triển của ngành sản xuất nào đó …. đều có thể sử dụng số liệu ở **các biểu đồ** trong Atlat (thay cho việc phải ghi nhớ số liệu của SGK)

+ Biết sử dụng đủ số trang Atlat cần thiết để giẩi quyết các câu hỏi cụ thể. Học sinh phải biết phân tích yêu cầu của câu hỏi, xác định được câu hỏi đó có liên quan đến một hay nhiều vấn đề, từ đó xác định số trang Atlat cần thiết để trả lời câu hỏi đó.

-> Có câu hỏi chỉ cần sử dụng một trang Atlat để giải quyết như: các câu hỏi về khoáng sản, đặc điểm phát triển và phân bố dân cư …..

-> Với các câu hỏi cần dùng nhiều trang bản đồ Atlat để trả lời thì cần phải xác định và loại bỏ những trang không phù hợp với yêu cầu của câu hỏi. ví dụ: “Đánh giá những tiềm năng để sản xuất lwong thực”, có thể dùng các trang bản đồ: địa hình, đất, khí hậu, dân cư, … nhưng không cần sử dụng trang bản đồ khoáng sản.

- Khi hướng dẫn sử dụng Atlat cần nhắc lại, khắc sâu các kiến thức cần thiết học sinh đã học trong SGK để liên hệ. Ví dụ: trước khi khai thác trang khí hậu cần giúp học sinh tái hiện lại các kiến thức về khí hậu mà học sinh đã học, đã có trong SGK để học sinh có thể ghi nhớ kiến và khai thác thức qua Atlat, mà không cần ghi nhớ máy móc.

- Giúp học sinh thấy đựơc mối quan hệ qua lại giữa bản đồ treo tường (có tính chất định hướng về vị trí), bản đồ trong Atlat, lược đồ trong SGK để nhanh chóng khai thác được những nội dung cần tìm trong Atlat. Ví dụ: Xác định hướng của các dãy núi, học sinh có thể nhận thấy rất dễ dàng qua lược đồ địa hình trong SGK, căn cứ vào đó để nhận biết lại trong Atlat.

- Khi làm bài thi địa lí học sinh cần biết sử dụng kết hợp giữa Atlat địa lí và vốn kiến thức đã học. Dựa vào Atlat địa lí sẽ thấy được những kiến thức về sự phân bố cụ thể, mối quan hệ về không gian lãnh thổ của các sự vật hiện tượng địa lí ... và các em đỡ phải mất công ghi nhớ máy móc.

 Nhưng nếu chỉ dựa vào Atlat địa lí thì nhiều kiến thức về tình hình phát triển, nguyên nhân phát triển, về đường lối, chính sách, kinh nghiệm và truyền thống sản xuất của dân cư …. không được đề cập một cách đầy đủ và hợp lí.

**2. Một số ví dụ cụ thể về khai thác sử dụng Atlat.**

 Khi hướng dẫn học sinh sử dụng Atlat, giáo viên cần đưa ra các loại câu hỏi từ dễ đến khó để học sinh làm quen dần và hình thành được các kĩ năng sử dụng Atlat cho học sinh.

 \* Ví dụ 1: sử dụng Atlat trang hành chính (trang4, 5) để nêu: các đặc điểm của vị trí địa lí Việt Nam. Dựa vào Atlat kết hợp với kiến thức đã học học sinh dễ dàng nêu được 3 đặc điểm của vị trí địa lí phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta:

- Toạ độ địa lí phần phần đất liền của nước ta (kinh độ, vĩ độ là bao nhiêu; địa danh của các địa phương có các điểm cực đó).

- Dựa vào lược đồ Việt Nam trong Đông Nam Á trong Atlat -> sẽ thấy Việt Nam nằm ở phía của bán đảo Đông Dương gần trung tâm Đông Nam Á …..

- Căn cứ vào sự phân bố -> kinh tuyến 1050Đ qua gần giữa lãnh thổ => Việt Nam thuộc múi giờ số 7.

 \* Ví dụ 2: dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, chứng minh khí hậu Việt Nam là khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa. Hướng dẫn học sinh sử dụng các bản đồ khí hậu trang 9, kết hợp với kiến thức đã học học sinh có thể làm rõ được các đặc điểm trên của khí hậu.

- Tính chất nhiệt đới:

+ Bản đồ nhiệt độ trung bình năm trong Atlat cho thấy khắp nơi trên lãnh thổ nước ta (trừ vùng núi cao) đều có nhiệt độ trung bình năm trên 200C, đạt tiêu chuẩn của khí hậu nhiệt đới.

+ Kiến thức trong bài học -> Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm, số giờ nắng nhiều từ 1400 đến 3000 giờ/năm.

- Tính chất ẩm:

 + Bản đồ lượng mưa trung bình năm trong Atlat cho thấy hầu khắp mọi nơi trên lãnh thổ nước ta đều có lượng mưa lớn, từ 1600 mm trở lên, tại các sườn núi đón gió (Sa Pa, Kon Tum …) lượng mưa rất lớn trên 2800 mm.

+ Kiến thức trong bài học -> độ ẩm không khí cao trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương.

- Gió mùa: Bản đồ khí hậu chung trong Atlat cho thấy trên lãnh thổ nước ta có sự hoạt động của các loại gió hướng và tính chất thay đổi theo mùa.

+ Gió tháng I (gió mùa mùa đông) có hướng đông bắc, gắn với mùa ít mưa và mùa đông lạnh ở miền Bắc.

+ Gió tháng VII (gió màu mùa hạ) hướng gió tây nam, gắn với mùa mưa và nóng ở 2 miền Bắc và Nam. Riêng vùng duyên hải Trung Bộ do tác động của địa hình, gió mùa mùa hạ đầu mùa sau khi vượt qua dãy núi Trường Sơn trở thành gió phơn khô nóng, tạo nên mùa khô kéo dài cho vùng này.

 Như vậy dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, với sự hướng dẫn của giáo viên học sinh dễ dàng chứng minh được các đặc điểm của khí hậu Việt Nam.

 \* Ví dụ 3: dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày các đặc điểm của dân số nước ta.

- Lấy số liệu dân số ở biểu đồ cột trang dân số: năm 2007 nước ta có 85,17 triệu người, thống kê các dân tộc (54 dân tộc) trang dân tộc -> trình bày được đặc điểm Việt Nam là nước đông dân, có nhiều thành phần dân tộc……..

- Tính toán số liệu theo biểu đồ, phân tích biểu đồ (tháp dân số) -> làm rõ được đặc điểm dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ.

+ Số liệu ở biểu đồ -> số dân năm 1960: 30,17 triệu người đến năm 1989: 64,41 triệu người tăng hơn 2 lần trong khoảng 30 năm, chứng tỏ sự bùng nổ dân số nước ta ở nử cuối thế kỉ XX trước đây. Dân số năm 2005: 83,11 triệu người, năm 2007: 85,17 triệu người -> cho thấy số dân tăng thêm hàng năm còn lớn ( 1 triệu người) mặc dù tỉ lên tăng dân số đã giảm nhiều.

+ Phân tích tháp dân số 1999 và 2007, nếu so sánh với tháp dân số của các nước dân số già (Hoa kì,….) cả 2 tháp dân số Việt Nam: tỉ lệ người già trên 60 tuổi chưa nhiều, tỉ lệ người trong tuổi lao động rất lớn, tỉ lệ trẻ em dưới 14 tuổi còn khá nhiều -> Cơ cấu dân số nước ta thuộc loại trẻ. Hình dạng tháp dân số năm 2007 so với năm 1999 cho thấy tỉ lệ phần nhóm tuổi dưới tuổi lao động thu nhỏ lại, tỉ lệ các nhóm tuổi già tăng lên -> chứng tỏ đang có sự biến đổi nhanh chóng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

 \* Ví dụ 4: dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trình bày sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản nước ta.

- Về tình hình chung:

+ Khai thác các số liệu về tổng sản lượng thuỷ sản năm 2000, 2005, 2007 sẽ nêu được sự phát triển đột phá của ngành thuỷ sản.

+ Chia tổng sản lượng thuỷ sản cho dân số sẽ thấy số lượng thuỷ sản trên đầu ngưòi là khá lớn ......

+ Dựa vào số liệu biểu đồ tính tốc độ tăng trưởng của thuỷ sản nuôi trồng, thuỷ sản khái thác sẽ thấy -> nuôi tròng thuỷ sản ngày càng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu ngành thuỷ sản.

- Khai thác thuỷ sản:

+ Sử dụng số liệu ở biểu đồ về khai thác thuỷ sản năm 2000 (1660,9 nghìn tấn), 2007 (2074,5 nghìn tấn), sẽ nêu được về sự phát triển, tính số lần tăng thêm về sản lượng khai thác sẽ nêu đựơc về mức độ tăng trưởng của ngành khai thác thuỷ sản.

+ Dựa vào lược đồ khai thác thuỷ sản sẽ trình bày được về phân bố -> tất cả các tỉnh giáp biển đề đẩy mạnh đánh bắt thuỷ sản, nhưng tập trung nhất là các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Các tỉnh dẫn đầu là Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tầu, Bình Thuận, Cà mau.

- Nuôi trồng thuỷ sản:

+ Sử dụng số liệu ở biểu đồ về nuôi trồng thuỷ sản năm 2000 (589,6 nghìn tấn), 2007 (2123,3 nghìn tấn), sẽ nêu được về sự phát triển, tính số lần tăng thêm về sản lượng nuôi trồng sẽ nêu đựơc về mức độ tăng trưởng của ngành nuôi trồng thuỷ sản.

+ Nhiều lào thuỷ sản đã trở thành đối tượng nuôi trồng, nhưng quan trọng hơn cả là nuôi tôm và nuôi cá nước ngọt.

+ Dựa vào lược đồ khai thác thuỷ sản sẽ trình bày được về phân bố -> nghề nuôi tôm, nuôi cá nước ngọt tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long, sau đó là đồng bằng sông Hồng .........

 \* Ví dụ 5: dựa vào Atlat địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy giải thích vì sao Đông Nam Bộ là vùng có giá trị sản sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước.

 Giải quyết câu hỏi này học sinh cần dựa vào nhiều trang Atlat kết hợp với các kiến thức đã học, để khai thác những nhân tố thuận lợi về vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội của vùng với phát triển công nghiệp.

- Trang bản đồ các vùng kinh tế cho thấy Đông Nam Bộ có vị trí bản lề, tiếp giáp Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ, liền kề Đồng bằng sông Cửu Long …. ; trang bản đồ giao thông cho thấy mạng lưới giao thông của vùng rất phát triển, có các cảng biển sân bay lớn nhất nước, là đầu mối giao thông vận tải quan trọng …… Vị trí địa lí đó cùng với giao thông vận tải phát triển đã tạo lợi thế rất lớn cho vùng trong phát triển công nghiệp.

- Về tự nhiên: + Trang khoáng sản -> Vùng có nguồn khoáng sản quan trọng là dầu khí, trữ lượng lớn ở vùng thềm lục, ngoài ra là đất sét, cao lanh -> C. Nghiệp

+ Các trang Atlat địa hình, đất đai, khí hậu, sông ngòi, sinh vật …. -> vùng có nhiều đất badan, đất phù sa cổ; khí hậu cận xích đạo; tài nguyên sinh vật phong phú (hải sản); tiềm năng thuỷ điện => Tạo thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và khai thác thuỷ năng.

- Về kinh tế-xã hội: + Trang Atlat dân cư -> Đông Nam Bộ có các thành phố và đô thị lớn, đặc biệt là TP Hồ Chí Minh => có thị trường lớn cho công nghiệp, nhất là tập trung nguồn lao động có kĩ thuật và tay nghề cao…..

+ Các trang Atlat kinh tế giao thông, công nghiệp ……. Cho thấy vùng có những thuận lợi về cơ sở hạ tầng (giao thông, thông tin, điện, nước), tập trung nhiều trung tâm công nghiệp lớn và rất lớn của cả nước, có sự phát triển đa dạng các ngành công nghiệp với nhiều ngành kĩ thuật cao …….

+ Kiến thức bài học vùng còn thu hút được nguồn vốn lớn và sự đầu tư ở trong và ngoài nước, chính sách của Nhà nước với phát triển công nghiệp của vùng …

 Tất cả các yếu tố thuận lợi trên đã tạo điều kiện để Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất ta.

**III.PHẦN KẾT LUẬN**

- Đối với giáo viên giảng dạy địa lí cần tạo mọi điều kiện về thời gian trên lớp để hướng dẫn cho học sinh các kĩ năng cần thiết sử dụng bản đồ, Atlat để khai thác kiến thức; kĩ năng vẽ biểu đồ, kĩ năng ôn tâp và vận dụng kiến thức kĩ năng vào làm bài thi môn địa lí.

- Nhà trường cần đầu tư mua thêm một số bản đồ còn thiếu và bổ sung thêm cuốn Atlat mới để tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy địa lí đạt kết quả cao.

- Trên đây là toàn bộ những nội dung sáng kiến kinh nghiệm của cá nhân tôi, rất mong ý kiến đóng góp bổ sung của các đồng nghiệp, để sáng kiến có giá trị tốt hơn đối với công tác giảng dạy hướng dẫn học sinh ôn tập thi tốt nghiệp, thi đại học và cao đẳng môn địa lí.

**---------------------------Hết-------------------------------------**